



TỔ CHỨC THE GIFTED BATTLEFIELD
DỰ ÁN CHICKEN MINDS

KỲ THI THỬ TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN
NĂM HỌC 2025 – 2026

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

Môn thi chuyên: **TIẾNG ANH**

Thời gian làm bài: **150 phút** (không kể thời gian giao đề)

Ngày làm bài thi: **20/4/2025**

Hướng dẫn chấm thi gồm 03 trang

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo chấm đúng theo Hướng dẫn chấm thi của Dự án Chicken Minds – Tổ chức The Gifted Battlefield.
- Kí hiệu gạch nghiêng / diễn tả các đáp án khác nhau được chấp nhận. Kí hiệu ngoặc tròn () diễn tả các phần không bắt buộc ghi trong câu trả lời. Tuy nhiên, nếu thí sinh ghi sai phần đáp án trong kí hiệu ngoặc tròn (), câu trả lời của thí sinh bị tính là sai.
- Câu trả lời của thí sinh chỉ được chấm điểm nếu câu trả lời được điền trong phiếu trả lời và tuân thủ hướng dẫn làm bài (số lượng từ quy định tối thiểu/tối đa, v.v.). Mọi cách trả lời khác sẽ **KHÔNG** được chấm điểm.
- Nếu thí sinh có cách trả lời khác đáp án nhưng đúng thì giám khảo vẫn chấm điểm theo biểu điểm của Hướng dẫn chấm thi.** Giám khảo thống nhất trong tổ chấm thi và bổ sung vào hướng dẫn chấm và đáp án khi chấm.
- Bài thi được chấm trên thang điểm 100. Tổng điểm bài thi sau đó được chia 10 để quy đổi về thang điểm 10 và làm tròn số theo quy tắc sau:

Phần thập phân X	$0 \leq X < 0,125$	$0,125 \leq X < 0,375$	$0,375 \leq X < 0,625$	$0,625 \leq X < 0,875$	$0,875 \leq X < 1$
Làm tròn	0	0,25	0,5	0,75	1
Ví dụ	3,05 → 3,0	3,15 → 3,25 3,35 → 3,25	3,45 → 3,5 3,60 → 3,5	3,65 → 3,75 3,85 → 3,75	3,90 → 4,0

B. BẢNG PHÂN BỐ ĐIỂM

STT	Phần thi	Số câu hỏi	Điểm
1	Use of English	40	30
2	Reading	35	35
3	Proofreading	5	5
4	Word formation	10	10
5	Key word transformation	10	20
Tổng điểm			100

C. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. USE OF ENGLISH (30 điểm)

Part 1. (0,5 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không rõ ràng ký tự A–D: **không cho điểm.**

1	D	2	A	3	B	4	C	5	D	6	C	7	C	8	A	9	A	10	A
11	B	12	A	13	A	14	B	15	A	16	A	17	A	18	A	19	C	20	C

Part 2. (1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không rõ ràng ký tự A–D: **không cho điểm.**

PASSAGE 1

21	B	22	C	23	B	24	B	25	B	26	A	27	A	28	A	29	C	30	D
----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---

PASSAGE 2

31	A	32	A	33	C	34	D	35	B	36	A	37	A	38	B	39	A	40	B
----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---



II. READING (35 điểm)

Part 1. (1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không rõ ràng ký tự A–D: **không cho điểm.**

41 B 42 C 43 A 44 D 45 D 46 C 47 A 48 B 49 A 50 C

Part 2. (1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không rõ ràng ký tự A–F: **không cho điểm.**

51 D 52 B 53 F 54 A 55 E

Part 3. (1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không đúng chính tả, không tuân thủ quy tắc viết hoa (đầu câu, tên riêng, v.v.): **không cho điểm.**

PASSAGE 1

56 Since 57 refer 58 by 59 are 60 without
61 taken 62 wedge 63 to 64 most 65 inability

PASSAGE 2

66 someone / somebody 67 with 68 off / on 69 shoulders 70 grip
71 in 72 raises 73 stood 74 odds 75 feet

III. PROOFREADING (5 điểm)

(1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

- Thí sinh có thể ghi lại các lỗi **theo bất cứ trật tự nào.**
- Thí sinh phát hiện được lỗi: **0,5 điểm/lỗi.**
- Thí sinh sửa đúng lỗi: **0,5 điểm/lỗi.**

Line	Error	Correction
76	1 revolutionary	evolutionary
77	3 highlighted	highlighting
78	6 disadvantageous	advantageous
79	8 shedded	shed
80	9 in a company	in company

IV. WORD FORMATION (10 điểm)

(1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

- Thí sinh viết không đúng chính tả, không tuân thủ quy tắc viết hoa (đầu câu, tên riêng, v.v.): **không cho điểm.**

81 inaudibility 82 doomscrolling 83 rootlessness 84 short-haul
85 all-you-can-eat 86 commemorate 87 understaffed / short-staffed 88 enlivened
89 swimmingly 90 backlog

V. KEY WORD TRANSFORMATION (20 điểm)

(2 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

- Thí sinh viết dưới 3 từ hoặc trên 8 từ, hoặc không sử dụng từ cho sẵn: **không cho điểm.**
- Thí sinh viết đúng một vế của phần viết lại: **1 điểm.**
- Thí sinh không viết đúng chính tả, không tuân thủ quy tắc viết hoa (đầu câu, tên riêng, v.v.), không chấm câu đầy đủ theo đáp án: **không cho điểm về mắc lỗi.**

91 how busy we are, we must/should **make** time



92	as he might/may,	his startup fell through
93	On realizing/realising what happened, Realizing/realising what went on ,	Jenna was more angry
94	dissuaded by the analyst, dissuaded by the analyst's advice,	the executive remained/stayed confident the executive trusted/believed
95	only I had not/hadn't	let Jennifer in
96	perception of our product	is the determinant of
97	the cream of the crop	that/who gets/are admitted/accepted
98	illness not having been diagnosed yet, illness not having been diagnosed,	I played I played (it)
99	had not/hadn't driven my car	without so/as much
100	perplexing at times ,	the film tugged/pulled/tore at my

Các giám khảo cần thảo luận kỹ về đáp án gợi ý và biểu điểm trước khi tiến hành chấm bài.

– HẾT –